

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-BYT ngày 05/6/2009 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học” ban hành theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28 tháng 6 năm 2007;

Căn cứ Biên bản họp số 20/BB-HĐKHĐT Hội đồng khoa học giáo dục Trường Đại học Y Hà Nội ngày 17/01/2017;

Theo đề nghị của Bà Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học của Trường Đại học Y Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Trưởng phòng: HCTH, ĐTDH, CTSV, CNTT, GD TTKT; Viện trưởng Viện đào tạo, Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, cán bộ giảng dạy và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Đức Hình**

## QUY CHẾ

### **Đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-ĐHYHN  
ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội)*

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH), bao gồm: tổ chức đào tạo; thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; xử lý vi phạm.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo theo hình thức VLVH trình độ đại học tại Trường Đại học Y Hà Nội.

### **Điều 2. Chương trình giáo dục đại học**

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình; bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình giáo dục khác.
2. Chương trình VLVH trình độ đại học của mỗi ngành đào tạo tại trường Đại học Y Hà Nội được xây dựng trên cơ sở chương trình khung hệ chính quy cùng chuyên ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình khung gồm cơ cấu nội dung các môn học, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các môn học cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập, lâm sàng.

### **Điều 3. Học phần và đơn vị học trình**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Các học phần thường có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bổ đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ và được kết cấu riêng theo từng môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do trường quy định.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Đơn vị học trình (ĐVHT) được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một ĐVHT được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết, bằng 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận, bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở y tế hoặc thực tế cộng đồng; hoặc bằng 45-60 giờ làm khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình, sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Khóa học tại Trường Đại học Y Hà Nội từ 3 năm đến 3,5 năm đối với hệ cử nhân; từ 4 năm đến 5 năm đối với hệ bác sỹ đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp theo hình thức vừa làm vừa học.

- Từ 3 năm đến 3,5 năm đối với hệ cử nhân điều dưỡng; cử nhân y tế cộng đồng liên thông từ trình độ trung cấp.

- Từ 4 đến 5 năm đối với hệ bác sỹ Y học dự phòng liên thông từ trình độ trung cấp.

Một năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 5 tháng học, gồm thời gian lên lớp và tự học.

2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức tối thiểu cho các trình độ đào tạo, Hiệu trưởng phân bổ số ĐVHT cho từng học kỳ, từng năm học.

a) Đầu khoá học, Trường phải thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của từng chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá, thi, kiểm tra.

b) Đầu mỗi năm học, Trường thông báo lịch học trong từng học kỳ, đề cương của các học phần, điều kiện để được học tiếp, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần.

Đối với những lớp đào tạo theo hợp đồng đặt lớp tại cơ sở giáo dục địa phương là trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục

thường xuyên cấp tỉnh, Hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện tổ chức đào tạo cụ thể để quyết định lịch trình học cho phù hợp.

3. Thời gian tối đa được phép học để hoàn thành chương trình bao gồm thời gian quy định cho chương trình quy định tại khoản 1 Điều này, cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép tạm ngừng học quy định tại khoản 4 Điều 15 và Điều 16 của Quy chế này.

### **Điều 5. Kế hoạch và tài liệu dạy học**

#### 1. Kế hoạch dạy học.

a) Căn cứ vào kế hoạch chung của trường trong từng học kỳ và năm học, các bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy cho bộ môn mình. Trong kế hoạch giảng dạy phải nêu rõ phần lên lớp và phần tự học, tên cán bộ được phân công giảng dạy những phần cụ thể trong chương trình. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết và thực hành hoặc lâm sàng gửi về Phòng Quản lý Đào tạo Đại học (QLĐTĐH) theo quy định Nhà trường.

b) Trường hợp cần mời giảng, bộ môn phải làm công văn trình Hiệu trưởng duyệt.

c) Tất cả cán bộ giảng dạy lý thuyết cũng như thực hành phải có bản kế hoạch bài giảng được thông qua bộ môn.

2. Tài liệu dạy học: Mỗi học phần phải có một tài liệu dạy học chính thức và được công bố cho sinh viên khi bắt đầu môn học. Tài liệu này là căn cứ để xây dựng đáp án chấm thi.

### **Điều 6. Điều kiện tham gia giảng dạy**

1. Đối với giảng dạy lý thuyết: Cán bộ là giảng viên hoặc có học vị thạc sỹ hoặc tương đương trở lên được tham gia giảng lý thuyết, trường hợp chưa phải là giảng viên thì phải có đề nghị bằng văn bản của Trưởng bộ môn và được Hiệu trưởng đồng ý thì mới được phép tham gia giảng lý thuyết.

2. Đối với giảng dạy thực hành, lâm sàng: Tất cả cán bộ giảng dạy và kỹ thuật viên nếu được Trưởng bộ môn phân công đều có thể hướng dẫn thực hành tại phòng thí nghiệm và giảng lâm sàng tại các bệnh viện. Trường hợp cần thiết, Trưởng bộ môn có thể mời thêm các cán bộ thỉnh giảng và giảng viên kiêm nhiệm (theo quy định của nhà Trường).

### **Điều 7. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa, trường tổ chức một kỳ thi chính và tối đa hai kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ, dành cho sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có điểm học phần dưới 5 ở kỳ thi chính. Trước khi thi, ít nhất là 5 ngày làm việc, các Bộ môn gửi danh sách sinh viên không đủ điều kiện dự thi về Phòng QLĐTĐH.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi ĐVHT vào khoảng nửa ngày.

**Điều 8. Cách đánh giá học phần:** Gồm các học phần chỉ có lý thuyết, thực hành, lâm sàng hoặc có cả lý thuyết và thực hành.

1. Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50% của điểm học phần.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần, với trọng số tương ứng của từng điểm bộ phận.

2. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Các Bộ môn phải công khai cách đánh giá điểm học phần với sinh viên ngay trong buổi học đầu tiên của học phần đó.

3. Điểm thi lâm sàng được tính riêng và có giá trị tương đương như 1 học phần hoặc môn học khác.

4. Điểm đánh giá bộ phận được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10 và làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến phần nguyên thực hiện theo nguyên tắc: nếu có điểm lẻ dưới 0,5 thì quy tròn thành 0; có điểm lẻ từ 0,5 đến dưới 1,0 thì quy tròn thành 1,0.

5. Điểm học phần được phân loại như sau:

Loại đạt: điểm học phần từ 5 trở lên.

Loại không đạt: điểm học phần từ 4 trở xuống.

### **Điều 9. Đề thi kết thúc học phần**

Đề thi kết thúc học phần được sử dụng trong ngân hàng đề thi chung của trường do Trung tâm khảo thí và ĐBCLGD quản lý. Đề thi, đáp án và thang điểm phải được Trưởng Bộ môn duyệt. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình và đề cương môn học.

### **Điều 10. Điều kiện dự thi kết thúc học phần**

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu đạt các điều kiện sau:

1. Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp thực tế quy định cho từng học phần.

2. Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Những sinh viên không tham dự đủ các bài thực hành thì không được thi lý thuyết, sinh viên phải tự liên hệ với bộ môn để được thực tập bù.

3. Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học lâm sàng. Những sinh viên nghỉ học có lý do chính đáng nhưng không vượt quá 10% tổng thời gian học lâm

sàng và được sự đồng ý của bộ môn, thì sẽ được đi học bù vào buổi tối và ngày nghỉ. Thời gian học bù phải có xác nhận của bác sĩ trực hoặc cán bộ giảng dạy của bộ môn.

### **Điều 11. Hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần**

#### 1. Hình thức thi:

a) Thi lý thuyết: Căn cứ vào tính chất môn học và điều kiện cụ thể, Trưởng bộ môn đề nghị hình thức thi như viết, vấn đáp, trắc nghiệm hoặc phối hợp v.v... (thông báo cho sinh viên ngay buổi đầu môn học).

b) Thi thực hành hoặc lâm sàng: Lượng giá dựa vào bảng kiểm hoặc thi vấn đáp, thi chạy trạm....

#### 2. Thời gian thi:

a) Đối với thi viết (tự luận): Thời gian thi từ 60 - 120 phút.

b) Đối với thi trắc nghiệm: Thời gian thi từ 30 - 60 phút.

c) Đối với thi phối hợp: Thời gian thi tối đa là 90 phút.

#### 3. Chấm thi:

a) Thi trắc nghiệm và thi viết

\* Thi viết tự luận

Việc chấm các bài thi tự luận kết thúc học phần phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Hiệu trưởng quy định việc bảo quản bài thi, đề thi, đáp án và thời gian lưu trữ ít nhất 2 năm kể từ ngày thi. Chậm nhất sau 14 ngày làm việc kể từ khi thi, phải hoàn thành việc chấm thi và gửi điểm cho phòng QLĐTĐH.

\* Thi trắc nghiệm:

Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi thi, TTKT và ĐBCLGD (Dưới sự giám sát của Thanh tra giáo dục) phải hoàn thành việc chấm thi và gửi điểm cho phòng QLĐTĐH

b) Thi vấn đáp và thi lâm sàng:

- Bộ môn phân công các cán bộ hỏi thi cho từng bàn thi. Mỗi bàn thi phải có 2 cán bộ giảng dạy trong đó có ít nhất một người có trình độ là Giảng viên chính hoặc học vị Thạc sỹ (hoặc tương đương) trở lên.

- Phòng QLĐTĐH cùng bộ môn tổ chức cho các nhóm sinh viên bốc thăm ngẫu nhiên vào các bàn hỏi thi.

- Khi thi, sinh viên chỉ được bốc thăm câu hỏi thi một lần. Đối với thi vấn đáp, thời gian chuẩn bị là 15 phút.

- Sau khi kết thúc buổi thi, 2 cán bộ hỏi thi thống nhất điểm (điểm thi giữa 2 cán bộ hỏi thi chênh nhau không quá 0,25 điểm) và thông qua Bộ môn rồi công bố điểm thi ngay. Trường hợp không thống nhất được điểm thi, phải lập

biên bản trình Trường bộ môn quyết định và công bố cho sinh viên biết chậm nhất không quá 1 ngày sau đó.

#### 4. Công bố điểm thi và lưu trữ bảng điểm

Bảng điểm thi được coi là hợp lệ khi đã ghi đầy đủ, rõ ràng các mục theo mẫu quy định và phải thông báo công khai cho sinh viên.

Bảng điểm hợp lệ được nhân thành 04 bản trong đó:

- Phòng QLĐTĐH lưu giữ bản chính;
- Bộ môn, giáo vụ khối, TTKT&KĐCLGD mỗi nơi giữ 1 bản copy.

Điểm chỉ được công bố khi đã hợp lệ.

#### 5. Chấm phúc khảo:

Phòng QLĐTĐH chỉ nhận đơn xin chấm phúc khảo trong thời gian 1 tuần kể từ khi công bố điểm thi. Các bài thi được chấm theo Quy trình chấm tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các sinh viên nộp đơn xin chấm phúc khảo phải nộp lệ phí theo quy định của Trường.

Trường chỉ tổ chức chấm phúc khảo cho các bài thi viết và trắc nghiệm.

Kết quả chấm lại phải được lập biên bản theo mẫu quy định.

### **Điều 12. Dự thi kết thúc học phần, hoãn thi**

1. Sinh viên có đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải dự thi theo đúng lịch do Trường quy định.

2. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng bị nhận điểm 0 ở lần thi thứ nhất (kỳ thi chính).

3. Sinh viên ốm đau, đi công tác đột xuất hoặc vì những lý do đặc biệt khác được đề nghị hoãn thi. Nhà trường bố trí cho những sinh viên này dự thi vào lần thi tiếp theo. Điểm thi được tính là lần thi thứ nhất.

a) Sinh viên chỉ được hoãn thi khi có các lý do đột xuất như: được điều động đi công tác đột xuất; lý do đặc biệt; tai nạn; ốm đau; bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ (hoặc chồng), vợ (hoặc chồng), con, anh chị em ruột bị chết. Những sinh viên này phải làm đơn xin hoãn thi có xác nhận của các cơ quan chức năng và nộp cho Phòng QLĐTĐH trước khi thi để báo cho Bộ môn. Trường hợp quá đột xuất, không kịp xin phép, thì chậm nhất là 3 ngày sau khi thi phải có tường trình nộp về Phòng QLĐTĐH.

b) Đơn xin hoãn thi hoặc bản tường trình được Phòng QLĐTĐH xem xét, nếu có căn cứ xác đáng thì được chấp nhận là có lý do chính đáng.

c) Danh sách hoãn thi phải được lãnh đạo Phòng QLĐTĐH ký mới có giá trị.

4. Nếu có vấn đề đột xuất xảy ra trong khi thi khiến sinh viên phải dừng làm bài, thì giải quyết như Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành.

### **Điều 13. Thi lại, thi trả nợ và bảo lưu kết quả học phần**

1. Sinh viên thi lý thuyết không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại tối đa là hai lần.

2. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần phải đăng ký học lại học phần đó; sinh viên không làm đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, nếu làm bổ sung đầy đủ sẽ được dự thi ở kỳ thi lại.

3. Sinh viên thi lâm sàng chưa đạt phải học lại lâm sàng 1 tuần đối với học phần < 3 ĐVHT, hoặc 2 tuần với học phần  $\geq 3$  ĐVHT.

4. Sinh viên thi lại hai lần vẫn không đạt, nếu được xét học tiếp lên năm học sau phải đăng ký học lại để thi trả nợ học phần. Sau mỗi lần học lại sinh viên được dự thi tối đa 2 lần.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi công bố điểm thi ở kỳ thi phụ, những sinh viên có điểm thi học phần dưới 5 phải chủ động viết đơn đăng ký với Phòng QLĐTĐH để được xếp lịch học và thi trả nợ các môn học phần này. Nếu đến kỳ thi theo đăng ký mà sinh viên không tham dự thi thì sẽ bị coi như bỏ thi.

5. Sinh viên đã tốt nghiệp một trường đại học hoặc cao đẳng được bảo lưu kết quả một số học phần có cùng trình độ, nội dung và thời lượng với học phần đã học.

Hiệu trưởng quy định cụ thể về bảo lưu kết quả học phần.

### **Điều 14. Cách tính điểm trung bình chung học tập và xếp loại kết quả học tập**

1. Điểm trung bình chung học tập của mỗi năm học, mỗi khoá học và điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khoá học được tính theo công thức sau và được tính đến hai chữ số thập phân:

a) Công thức tính điểm trung bình chung học tập:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:  $A$  là điểm trung bình chung học tập

$a_i$  là điểm thi kết thúc của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số đơn vị học trình của học phần thứ  $i$

$N$  là tổng số học phần



b) Không tính kết quả thi các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học tập của học kỳ, năm học hay khóa học. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các học phần này theo quy định riêng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điểm trung bình chung học tập là căn cứ để xét sinh viên bị buộc thôi học, tạm ngừng học, được học tiếp và xét tốt nghiệp.

3. Xếp loại kết quả học tập:

a) Loại đạt	Từ 9 đến 10:	Xuất sắc
	Từ 8 đến cận 9:	Giỏi
	Từ 7 đến cận 8:	Khá
	Từ 6 đến cận 7:	Trung bình khá
	Từ 5 đến cận 6:	Trung bình
b) Loại không đạt	Từ 4 đến cận 5:	Yếu
	Dưới 4:	Kém

### **Điều 15. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, bị buộc thôi học, tạm ngừng học, nghỉ học tạm thời**

1. Trước khi vào năm học mới, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học và điểm trung bình chung học tập của năm học đã qua và điểm trung bình chung của toàn bộ các môn học để xét việc học tiếp, phải ngừng học hoặc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ hè (nếu có) của năm học nào được tính chung vào kết quả học tập của năm học đó.

2. Sinh viên được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm từ 5,00 trở lên.

b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khóa học không quá 25 ĐVHT.

Nếu còn những học phần có điểm dưới 5 sinh viên phải học lại và thi trả nợ ở các năm tiếp theo.

3. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 3,50.

b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học dưới 4,00 sau 2 năm học; dưới 4,50 sau 3 năm học và dưới 4,80 sau từ 4 năm học trở lên.

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

d) Bị kỷ luật lần thứ 2 vì đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ.

Chậm nhất là 1 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường có trách nhiệm thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú, hoặc về nơi công tác.

4. Sinh viên không thuộc diện quy định tại khoản 2 và 3 của Điều này được ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức và thi trả nợ những học phần chưa đạt.

Thời gian ngừng học: Sinh viên không thuộc diện ưu tiên trong đào tạo và sinh viên thuộc diện ưu tiên trong đào tạo nhưng không thuộc quy định tại Điều 16 của Quy chế này được ngừng học tối đa không quá 4 năm cho toàn khóa học.

Trong thời gian ngừng học sinh viên được bố trí vào tổ lớp mới của khóa học sau và phải học lại các học phần chưa đạt.

5. Sinh viên được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập nếu:

a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn cần phải điều trị thời gian dài có xác nhận hợp lệ của cơ quan y tế;

c) Bị điều động công tác;

d) Do nhu cầu cá nhân. Những sinh viên này phải học ít nhất 1 học kỳ ở trường và có điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học từ 5,00 trở lên. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 4 và Điều 16 của Quy chế này.

Những sinh viên này phải làm đơn xin nghỉ học gửi tới Hiệu trưởng. Khi muốn quay lại học tiếp cũng phải làm đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 1 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới hoặc năm học mới.

#### **Điều 16. Ưu tiên trong đào tạo**

Sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành được cộng thêm thời gian tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập. Thời gian được tạm ngừng học tối đa không quá 5 năm cho toàn khóa học.

#### **Điều 17. Chuyển trường.**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;

b) Trường xin chuyển đến và trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;

b) Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

c) Sinh viên ở ngoài vùng tuyển quy định của trường;

3. Sinh viên phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

4. Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp của sinh viên như: năm học và số học phần mà sinh viên chuyển đến phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

### **Chương III**

#### **THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

##### **Điều 18. Hình thức và nội dung thi tốt nghiệp**

1. Hình thức thi tốt nghiệp cuối khóa:

a. Khóa luận tốt nghiệp hoặc Thi viết tổng hợp (kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)

Khối lượng kiến thức của khóa luận hoặc thi viết tổng hợp đối với hệ bác sỹ tương đương với 10 ĐVHT; đối với hệ cử nhân tương đương với 4 ĐVHT,

Điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp do Ban giám hiệu quy định và hướng dẫn cụ thể theo từng khóa học.

b. Thi thực hành – Lâm sàng

Khối lượng kiến thức đối với hệ bác sỹ là 5 ĐVHT; đối với hệ cử nhân là 2 ĐVHT,

2. Nội dung thi tốt nghiệp: căn cứ kế hoạch thực hiện trong từng khóa, Hiệu trưởng quy định cụ thể cho từng đối tượng.

##### **Điều 19. Điều kiện được dự thi tốt nghiệp**

Sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được dự thi tốt nghiệp:

1. Tính đến thời điểm thi tốt nghiệp không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Đã học đủ các học phần quy định cho chương trình và không có học phần bị điểm dưới 5;

3. Đã có các chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng;

4. Hoàn thành đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nhà trường.

##### **Điều 20. Hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường**

1. Thành phần hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường bao gồm:

a) Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng được hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch;

b) Phó chủ tịch là phó Hiệu trưởng;

c) Thường trực hội đồng là trưởng phòng đào tạo;

- d) Các uỷ viên là các trưởng phòng, trưởng khoa có liên quan.
2. Nhiệm vụ Hội đồng thi tốt nghiệp trường:
- a) Duyệt danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp;
  - b) Duyệt danh sách sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
  - c) Quyết định hình thức thi tốt nghiệp;
  - d) Xét công nhận tốt nghiệp
3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường.

### **Điều 21. Chấm thi tốt nghiệp.**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp (theo quy định hiện hành), hội đồng thi tốt nghiệp chung cho cả phần lý thuyết tổng hợp và thực hành. Các thành viên chấm thi tốt nghiệp phải là Giảng viên chính hoặc có học vị từ Thạc sỹ (hoặc tương đương) trở lên và có thâm niên giảng dạy từ 5 năm.
2. Thi thực hành/lâm sàng được thực hiện theo hình thức thi vấn đáp
3. Thi viết tổng hợp được thực hiện theo hình thức thi viết, thời gian tối đa là 180 phút.
4. Việc coi thi và chấm thi viết được thực hiện như Quy chế thi tuyển sinh đại học.
5. Trường hợp sinh viên có điểm thi tốt nghiệp dưới 5 sẽ được Nhà trường tổ chức cho thi lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi trường công bố kết quả. Nội dung ôn thi, ra đề thi, tổ chức thi và chấm thi cho những sinh viên thi lại được thực hiện giống như kỳ thi chính thức.

### **Điều 22. Điều kiện xét tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:
  - a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
  - b) Điểm các môn thi tốt nghiệp đạt từ 5 trở lên.
2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp trường, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ các điều kiện theo quy định.

### **Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp**

1. Sinh viên được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành về quản lý văn bằng, chứng chỉ. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định.

2. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có thời gian học chính thức tại trường vượt quá thời gian quy định cho chương trình đào tạo;

b) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn khoá học;

c) Bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ nếu có.

4. Những sinh viên chưa hoàn thành các môn thi tốt nghiệp nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 3 năm tính từ ngày kết thúc thời gian tối đa được phép học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp cùng với sinh viên các khóa dưới.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình đào tạo của trường.

#### **Điều 24. Chế độ báo cáo và kiểm tra**

1. Trước kỳ thi tốt nghiệp 10 ngày, Hiệu trưởng phải báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp để có kế hoạch chỉ đạo công tác giám sát, kiểm tra và thanh tra.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi tốt nghiệp, Hiệu trưởng phải báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình tổ chức đào tạo, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách sinh viên được công nhận và không công nhận tốt nghiệp, những vấn đề đặc biệt khác có liên quan đến thi và công nhận tốt nghiệp của trường.

**Chương V**  
**XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 25. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm quy chế thi, kiểm tra.**

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, bảo vệ khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Đức Hình**